

Bài 12 BỜ TRE ĐÓN KHÁCH (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ ngữ khó, đọc rõ ràng bài thơ *Bờ tre đón khách* với tốc độ đọc phù hợp; biết ngắt hơi phù hợp với nhịp thơ; Nhớ tên và nhận biết được đặc điểm riêng của mỗi con vật khi ghé thăm bờ tre. Hiểu được niềm vui của bờ tre khi được đón khách.
2. a. Nghe – viết đúng chính tả bài *Bờ tre đón khách*, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài đọc và đầu các câu thơ.
b. Làm đúng các BT chính tả phân biệt *d/ gi, iu/ ưu* hoặc *ước/ ươt*.

3. a. Phát triển vốn từ về vật nuôi, biết đặt câu nêu đặc điểm của loài vật.
b. Viết được một đoạn văn ngắn kể lại hoạt động của con vật quan sát được.
4. Tìm đọc mở rộng được sách, báo viết về một loài vật nuôi trong nhà.
5. Bồi dưỡng tình yêu đối với loài vật, đặc biệt là vật nuôi trong nhà.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- GV nắm được đặc điểm VB thơ; nắm được nội dung VB *Bờ tre đón khách*.
- PP dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh về một số con vật được nhắc tới trong bài thơ như *cò bạch, bồ nông, bói cá, chim cu, ếch*.
- Phiếu học tập: có thể làm phiếu BT chính tả hoặc phiếu BT phần *Luyện từ và câu*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Sự tích cây thi là*) và nói về một số điều thú vị trong bài học đó.

ĐỌC

1. Khởi động

- HS quan sát tranh, sau đó làm việc nhóm, từng em nói nhận xét của mình về cảnh vật được vẽ trong tranh. GV có thể đưa một số câu hỏi gợi ý: *Em nhìn thấy những sự vật nào (con vật, cây cối...) được vẽ trong tranh? Cảnh vật trong bức tranh có đẹp không? Cảm xúc của em khi quan sát bức tranh,...* Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.
- GV khuyến khích HS nói được những điều liên quan đến cảnh vật (con vật, cây cối, ao hồ) trong bức tranh gắn với những trải nghiệm của bản thân (VD: Em đã nhìn thấy bờ tre ở quê ngoại,...).
- GV nhận xét chung và dẫn sang phần *Đọc*.

2. Đọc văn bản

GV hướng dẫn cả lớp:

- GV đọc mẫu toàn bài, giọng đọc vui tươi để thể hiện được không khí vui nhộn của các con vật khi đến thăm bờ tre; ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm theo.
- + GV nêu một số từ ngữ có thể khó phát âm để HS luyện đọc như *tre, suốt, reo, trắng, ỉ ộp,...*

- + GV kết hợp hướng dẫn HS ngắt, nghỉ ở mỗi câu thơ, đoạn thơ.
- + GV mời 4 HS đọc nối tiếp bài đọc. (HS1 đọc từ đầu đến *Nở đầy hoa trắng*; HS2 đọc đoạn tiếp theo đến *Đậu vào chỗ cũ*; HS3 đọc đoạn tiếp theo đến *tre rất mát*; HS4 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc nối tiếp trong nhóm.
- + GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ còn khó hiểu đối với HS.
- Luyện đọc theo cặp/ nhóm:
- + HS đọc nối tiếp bài đọc theo cặp/ nhóm (như 4 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.
- + GV giúp đỡ HS trong các cặp nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.
- GV và HS đọc toàn VB *Bờ tre đón khách*.
- + 1 – 2 HS đọc thành tiếng toàn VB *Bờ tre đón khách*.
- + HS đọc đồng thanh toàn VB *Bờ tre đón khách*.
- + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Có những con vật nào đến thăm bờ tre?*

- GV mời một HS đọc yêu cầu của bài. GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.
- Cặp/ nhóm:
- + Từng HS kể tên các con vật đến thăm bờ tre.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- GV và HS thống nhất câu trả lời (Những con vật đến thăm bờ tre là: cò bạch, bồ nông, bói cá, chim cu, ếch).

Câu 2. *Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B.*

- GV mời một HS đọc yêu cầu của bài.
- GV mời HS làm mẫu (một bạn nói từ ngữ ở cột A, một bạn nói từ ngữ tương ứng ở cột B). VD: A: đàn cò bạch – B: hạ cánh reo mừng. GV và HS nhận xét.
- GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.
- + Từng cặp làm BT theo mẫu. Nếu có thời gian có thể cho HS đổi vai.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- + Một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. (đàn cò bạch – hạ cánh reo mừng; bác bồ nông – đứng im như tượng đá; chú bói cá – đỗ xuống rồi bay lên.; bầy chim cu – gặt gù ca hát; chú ếch – ì ộp vang lừng).

Câu 3. *Câu thơ nào thể hiện niềm vui của bờ tre khi được đón khách?*

GV tổ chức cho HS trả lời câu 3 như cách thức tổ chức câu 1.

GV và HS thống nhất câu trả lời (Câu thơ thể hiện niềm vui của bờ tre khi được đón khách là: Tre chọt tưng bừng.).

Câu 4. *Tìm tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ trong đoạn thơ thứ nhất.*

- GV mời một HS đọc yêu cầu của bài.
- GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm có sử dụng phiếu BT.
- + Từng HS viết kết quả BT trên phiếu BT. Sau đó cả nhóm thống nhất kết quả chung.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- + Một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất đáp án (Tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ trong đoạn thơ thứ nhất là: khách – bạch, mừng – bưng.).

* *Học thuộc lòng 1 – 2 đoạn thơ em thích.*

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học thuộc lòng 1 – 2 đoạn thơ yêu thích.
- + GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu cả bài thơ.
- + Một HS đọc thành tiếng cả bài thơ.
- + GV hướng dẫn HS học thuộc lòng 1 – 2 đoạn thơ mình thích theo hướng dẫn chung.

4. Luyện đọc lại

- HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài thơ.
- HS tập đọc diễn cảm theo GV.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. *Tìm các từ ngữ trong bài thể hiện niềm vui của các con vật khi đến bờ tre.*

- GV mời một HS đọc yêu cầu của BT.
- GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm có sử dụng phiếu BT.
- + Từng HS viết kết quả trên phiếu BT. Sau đó cả nhóm thống nhất kết quả chung.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- + Một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất câu trả lời (Những từ ngữ: reo mừng, ca hát gặt gù, ì ộp vang lừng.).

Câu 2. *Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.*

- GV mời một HS đọc yêu cầu của BT. GV hướng dẫn HS làm vào phiếu BT.
- Cá nhân:
- + Từng HS viết kết quả lựa chọn vào phiếu BT.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. GV lưu ý HS đặt câu phải chứa các từ ngữ: reo mừng, ca hát gặt gù, ì ộp vang lừng.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

- GV đọc thành tiếng cả đoạn (từ *Bờ tre quanh hồ* đến *Đậu vào chỗ cũ*); 2 – 3 HS đọc lại.
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
- + Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
- + Chữ dễ viết sai chính tả: *tre, quanh, suốt, reo, trắng*.
- + Hết mỗi dòng thơ cần xuống dòng.

2. Chọn *d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
- HS làm việc nhóm, tìm đúng *d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.
- Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất đáp án (Cây **d**ừa xanh toả nhiều tàu; Dang tay đón **gi**ó, gặt đầu gọi trăng.).

3. Chọn *a* hoặc *b*.

Đây là bài chính tả tự chọn. BTa là BT dùng cho phương ngữ Bắc, BTb là BT dùng cho phương ngữ Nam. GV chọn BT phù hợp với vùng miền.

a. Tìm tiếng có *iu* hoặc *ưu* thay cho ô vuông.

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
- HS làm việc nhóm, chọn đúng *iu* hoặc *ưu* thay cho ô vuông.
- Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất đáp án (Xe **iu** hoả chạy như bay đến nơi có đám cháy; Chim hót **riu** rít trong vòm cây; Cây bưởi nhà em sai **triu** cành.).
- HS tự chữa bài của mình (nếu sai).

b. Chọn *ước* hoặc *ươt* thay cho ô vuông.

GV hướng dẫn HS thực hiện BT này như BTa ở trên. Đáp án (Hoa thược **du**ợc nở rực rỡ trong vườn; Những hàng liễu rủ **thu**ốt tha bên hồ; **Nu**ớc ngập menh mông.).

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Xếp từ vào nhóm thích hợp.

- GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để xếp từ vào nhóm thích hợp.

– GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất đáp án. (Từ chỉ con vật: *dê, lợn, bò, vịt, gà*; từ chỉ bộ phận của con vật: *đầu, chân, cổ, mỏ, đuôi, cánh, mắt*).

Lưu ý: BT này GV có thể tổ chức dưới dạng trò chơi.

2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm (bộ lông, đôi mắt, cặp sừng,...) của từng con vật trong hình.

– GV nêu yêu cầu BT.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, quan sát tranh để gọi tên các con vật trong tranh và tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của các con vật đó.

– Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất đáp án. GV lưu ý BT này có thể có nhiều đáp án, chấp nhận kết quả khác nhau, miễn là đúng và hợp lí. (VD: Chó: tai cụp, mũi thính, mắt to; Trâu: sừng nhọn, lông đen, tai to; Gà: lông vàng óng, mỏ đỏ, chân vàng, lông nâu; Mèo: mắt xanh, ria trắng, lông vằn,...).

Lưu ý: BT này, GV cũng có thể tổ chức trò chơi.

3. Đặt một câu về một bộ phận của con vật nuôi trong nhà.

– GV hoặc HS đọc yêu cầu BT.

– GV đọc và phân tích mẫu: *Lông gà con vàng óng*. GV phân tích: trong câu mẫu có sử dụng từ chỉ bộ phận của con vật là *lông* và từ chỉ đặc điểm của bộ phận đó là *vàng óng*.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đặt câu nói về các loài vật. HS tùy vào khả năng của mình có thể đặt một câu hoặc nhiều câu, có thể đặt câu với một bộ phận hoặc nhiều bộ phận của con vật. HS chỉ cần lưu ý là con vật được miêu tả phải là vật nuôi.

– GV yêu cầu một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

KẾT NỐI THỰC TIẾT 5 - 6 LUYỆN VIẾT ĐOẠN VỚI CỘNG ĐỒNG

1. Đọc đoạn văn và kể lại các hoạt động của nhà gấu vào mùa xuân, mùa thu và mùa đông.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS đọc thầm đoạn văn *Nhà gấu ở trong rừng*.

– HS làm việc nhóm, kể lại hoạt động của nhà gấu vào mùa xuân, mùa thu và mùa đông. GV có thể đưa ra một số câu hỏi gợi ý làm điểm tựa để HS kể như (*Mùa xuân, cả nhà gấu làm gì? Mùa thu, nhà gấu đi đâu? Tại sao suốt ba tháng rét, nhà gấu không cần đi kiếm ăn?*).

– Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

2. Viết 3 – 5 câu kể lại hoạt động của một con vật mà em quan sát được.

– HS đọc yêu cầu của BT.

– GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm, nói 3 – 5 câu về hoạt động của một con vật mà em quan sát được theo các gợi ý trong SHS.

– Dựa trên kết quả nói, HS viết thành đoạn văn vào vở. GV lưu ý HS mỗi câu trong đoạn tương ứng với câu trả lời cho các câu hỏi gợi ý trong SHS. Trật tự sắp xếp của các câu trong đoạn cũng nên theo thứ tự các câu hỏi.

– Một số HS đọc bài trước lớp. GV và HS nhận xét.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Mang đến lớp sách, báo viết về một loài vật nuôi trong nhà.

– Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc sách, báo viết về loài vật nuôi trong nhà và mang đến lớp. Có thể đó là các câu chuyện, bài thơ như: *Đàn gà mới nở* (Trần Đăng Khoa), *Chú trống choai* (Hải Hồ), *Chú mèo con* (Nguyễn Đình Thi)... hoặc GV có thể hướng dẫn HS tìm sách, báo viết về loài vật nuôi trong nhà ngay trong thư viện nhà trường hoặc tủ sách của lớp.

– HS đọc ngay trên lớp, có thể đổi sách báo cho nhau để đọc.

2. Cùng đọc với các bạn và trao đổi một số thông tin về loài vật đó.

– HS đọc yêu cầu của bài.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2 hoặc nhóm 3, nhóm 4 để thực hiện yêu cầu của BT. Các em đọc VB cho bạn nghe và chia sẻ với các bạn về tên của loài vật, thức ăn của loài vật, đặc điểm của loài vật mà em nhớ nhất, hình ảnh minh họa và chú thích hình ảnh (nếu có).

– Một số (2 – 3) HS đọc VB và chia sẻ một số thông tin chính trong VB theo gợi ý. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách đọc VB hấp dẫn hoặc cách chia sẻ ý tưởng thú vị. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

Sau khi học bài *Bờ tre đón khách*, các em đã:

+ Đọc hiểu bài thơ *Bờ tre đón khách*.

+ Viết chính tả một đoạn trong bài thơ *Bờ tre đón khách* theo hình thức nghe – viết và hoàn thành BT chính tả âm vần về *d/ gi, iu/ ưu* hoặc *ước/ ươt*.

+ Phát triển vốn từ về vật nuôi; đặt câu nêu đặc điểm của các loài vật.

+ Viết đoạn văn ngắn kể lại hoạt động của một con vật.

+ Đọc mở rộng sách, báo về một loài vật nuôi.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.